TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự D – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/DS-ST
Ngày: 16.3.2021
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Huỳnh Tấn Khoa;**

2. Ông **Trương Phước Công.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Tường Vi,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2020/TLST-DS ngày 08.10.2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp M H, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A G

Bà Phan Thị H ủy quyền cho ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981: địa chỉ: ấp M H, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A G (có mặt).

Theo văn bản ủy quyền ngày 26.11.2020.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977: địa chỉ: ấp M T, xã M A , huyện C M, tỉnh A G (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1970: địa chỉ: ấp M T, xã M A , huyện C M, tỉnh A G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Bùi Quốc N trình bày: D chỗ quen biết với bà T, ông D, bà H có cho bà T vay mượn nhiều lần số tiền như sau:

Ngày 16.4.2020 bà T có đến nhà bà H vay mượn số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 25.3.2020 và ngày 17/4/2020 bà T vay mượn bà số tiền 36.000.000 đồng, hứa trong vòng 06 ngày hốt hụi sẽ trả cho bà. Đến ngày 22/4/2020 bà T có nói với bà H hụi bỏ hốt không được. Từ ngày 25/4/2020 đến ngày 10/5/2020 bà T nói cần tiền mua sò nuôi tại Kiên Giang nên bà mượn thêm 68.000.000 đồng. Tổng cộng các lần mượn bà T nợ bà H số tiền 184.000.000 đồng, khi vay mượn hai bên có làm hợp đồng, D bà T nói mượn trong thời gian ngắn nên bà H với bà T không thỏa thuận lãi suất. Thời gian trả là ngày 28/6/2020, đến thời hạn bà H có đến nhà bà T để yêu cầu thanh toán khoản nợ trên nhưng bà T cố tình tránh né không trả cho bà. Nay bà H yêu cầu bà T, ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay 184.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 02/7/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Hồng D đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T cư trú ấp M T, xã M A , huyện C M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Hồng D đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông D.

[2] Qua lời khai và lời trình bày của người đại diện ủy quyền của bà Phan Thị H là ông Bùi Quốc N, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà H với bà T có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Ngày 16.4.2020 bà T có đến nhà bà H vay mượn số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 25.3.2020 và ngày 17/4/2020 bà T vay mượn thêm số tiền 36.000.000 đồng, hứa trong vòng 06 ngày hốt hụi sẽ trả cho bà. Đến ngày 22/4/2020 bà T nói hụi bỏ hốt không được. Từ ngày 25/4/2020 đến ngày 10/5/2020 bà T có nói cần tiền mua sò nuôi tại Kiên Giang nên bà mượn thêm 68.000.000 đồng. Tổng cộng các lần mượn bà T nợ bà H số tiền 184.000.000 đồng, khi vay mượn hai bên có làm hợp đồng, bà T nói đến ngày 28/6/2020 sẽ trả cho bà, đến thời hạn bà H có đến nhà bà T để yêu cầu thanh toán khoản nợ trên nhưng bà T cố tình tránh né không trả cho bà. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà H có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T, ông D vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, ông N là người đại diện ủy quyền của bà H xuất trình chứng cứ là hợp đồng vay mượn tiền giữa bà H với bà T. Tại phiên tòa

ông N là người đại diện ủy quyền của bà H rút một phần yêu cầu ông D cùng bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 184.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận đối với yêu cầu này. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phan Thị H, buộc bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền vay 184.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa người đại diện ủy quyền của H là ông Bùi Quốc N yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tại Nghị Quyết 01/2019 ngày 15/3/2019 của Hội đồng Thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao quy định, khi hai bên thực hiện nghĩa vụ vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, thì việc yêu cầu tính lãi suất được tính từ thời gian nộp đơn khởi kiện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất từ ngày 02/7/2020 đến ngày 16/3/2021. Số tiền được tính như sau:

Ngày 02/7/2020 đến ngày 16/3/2021 là 257 ngày x lãi suất 10%/năm = 11.822.000 đồng (mười một triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là: 184.000.000 đồng + 11.822.000 đồng = 195.822.000 (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 227, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền vốn vay 184.000.000 đồng, tiền lãi 11.822.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 195.822.000 (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H buộc ông Nguyễn Hồng D cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Kim T trả cho bà Phan Thị H số tiền 195.822.000 (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 9.791.000 đồng (chín triệu bảy trăm chín mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008944 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh A G;
-VKSND huyện C M;
-Chi cục THADS huyện C M;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn